

Số: 22/2022/QĐST-HNGĐ

Hải Dương, ngày 18 tháng 4 năm 2022

**QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ**

V/v Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận về nuôi con.

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

Thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Bà Nguyễn Thị Thu Hiền.

Thư ký phiên họp: Bà Vũ Thị Huyền - Thư ký Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương tham gia phiên họp: Bà Bùi Thị Hậu - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 4 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc dân sự thụ lý số 63/2022/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 3 năm 2022, về việc: “*Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận về nuôi con*”, theo quyết định mở phiên họp sơ thẩm giải quyết việc dân sự số 68/2022/QĐST-HNGĐ ngày 04 tháng 4 năm 2022, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

* Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Chị **Phạm Thị N**, sinh năm 1984.

Địa chỉ trước khi xuất cảnh: Đội 8, thôn D, xã T, huyện G, tỉnh Hải Dương.
Nơi cư trú hiện nay: Hàn Quốc.

Người được chị N ủy quyền về việc giao, nhận văn bản tố tụng của Tòa án: Bà **Nguyễn Thị L**, sinh năm 1955. Địa chỉ: Đội 8, thôn D, xã T, huyện G, tỉnh Hải Dương.

- Anh **Trần Văn M**, sinh năm 1993.

Địa chỉ trước khi xuất cảnh: Thôn K, xã T1, huyện C, tỉnh Hưng Yên. Nơi cư trú hiện nay: Kostroma, Liên Bang Nga.

Người được anh M ủy quyền về việc giao, nhận văn bản tố tụng của Tòa án: Chị **Đỗ Thị Luyện**, sinh năm 1979. Địa chỉ: Thôn K, xã T1, huyện C, tỉnh Hưng Yên.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà **Nguyễn Thị L**, sinh năm 1955.

Địa chỉ: Đội 8, thôn D, xã T, huyện G, tỉnh Hải Dương.

Các đương sự vắng mặt và đều đề nghị giải quyết vắng mặt.

NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ:

Theo đơn yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn; Giấy ủy quyền của chị Phạm Thị N và anh Trần Văn M cùng các tài liệu có trong hồ sơ thể hiện:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị N và anh Trần Văn M được tự do tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T1, huyện C, tỉnh Hưng Yên vào ngày 22/11/2003. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng 6 năm thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống. Từ năm 2008 chị N đi xuất khẩu lao động tại Hàn Quốc, đến năm 2014 anh M đi xuất khẩu lao động tại Liên Bang Nga. Vợ chồng mỗi người sống một nơi, không ai quan tâm đến ai. Nay, chị N và anh M đều xác định tình cảm không còn nên cùng thống nhất đề nghị Tòa án công nhận thuận tình ly hôn.

Về con chung: Chị N, anh M xác định vợ chồng có 01 con chung là Trần Phạm Duy K1, sinh ngày 19/12/2004, hiện đang ở với bà Nguyễn Thị L là mẹ đẻ chị N. Anh, chị thống nhất giao con chung cho chị N chăm sóc, nuôi dưỡng. Chị N tự nguyện không yêu cầu anh M phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Trong thời gian chị N không có mặt tại Việt Nam chị ủy quyền cho bà L chăm sóc, nuôi dưỡng cháu K1. Anh M nhất trí giao con cho bà L nuôi dưỡng trong thời gian chị N không có mặt tại Việt Nam.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị N, anh M xác định vợ chồng không có tài sản chung, không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về lệ phí giải quyết việc dân sự: Chị N tự nguyện chịu toàn bộ lệ phí giải quyết việc dân sự.

Chị Phạm Thị N có văn bản ủy quyền cho bà Nguyễn Thị L thay chị giao, nhận các tài liệu tại Tòa án. Anh Trần Văn M có văn bản ủy quyền cho chị Đỗ Thị L1 thay anh giao, nhận các tài liệu tại Tòa án. Sau khi nhận được các văn bản tố tụng của Tòa án, bà L đã thông báo cho chị N biết. Chị L1 cũng đã thông báo cho anh M biết. Chị N và anh M vẫn giữ nguyên quan điểm như đã trình bày.

Do điều kiện công việc chị Phạm Thị N và anh Trần Văn M không thể trực tiếp tham gia tố tụng tại Tòa án được nên anh, chị đều đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt.

Bà Nguyễn Thị L có quan điểm: Đồng ý chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Trần Phạm Duy K1 cho đến khi chị N về nước, bà không yêu cầu anh, chị phải cấp dưỡng tiền nuôi cháu K1.

Con chung của chị N, anh M là cháu Trần Phạm Duy K1 có nguyện vọng được ở với chị N và bà L.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương có quan điểm về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán, Thư ký và các đương sự đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ việc: Căn cứ Điều 55, Điều 81, 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 149 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Đề nghị Tòa án công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Phạm Thị N và anh Trần Văn M. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự về việc giao con chung Trần Phạm Duy K1 cho chị N chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi con thành niên (tròn 18 tuổi). Chấp nhận sự tự nguyện của chị N không yêu cầu anh M phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Tạm giao cháu K1 cho bà L tiếp tục nuôi dưỡng trong thời gian chị N không có mặt tại Việt Nam.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự, quan điểm của các đương sự, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương tại phiên họp, Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương nhận định:

[1]. Về tố tụng: Chị Phạm Thị N và anh Trần Văn M là công dân Việt Nam và đều có đơn đề nghị Tòa án công nhận thuận tình ly hôn. Chị N hiện đang cư trú tại Hàn Quốc, anh M hiện đang cư trú tại Liên bang Nga. Đơn xin ly hôn và giấy ủy quyền của chị N gửi về Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương đã được Đại sứ quán Việt Nam tại Hàn Quốc chứng thực. Đơn xin ly hôn của anh M gửi về Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương đã được Đại sứ quán CHXHCN Việt Nam tại Liên bang Nga chứng thực, thể hiện đúng ý chí, nguyện vọng của anh chị. Do vậy, vụ việc thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương theo quy định tại khoản 3 Điều 35; điểm b khoản 1 Điều 37 Bộ luật tố tụng dân sự.

Chị N và anh M đều có quan điểm đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt. Căn cứ Điều 367 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án quyết định mở phiên họp giải quyết việc dân sự vắng mặt các đương sự.

[2]. Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị N và anh Trần Văn M được tự do tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T1, huyện C, tỉnh Hưng Yên vào ngày 22/11/2003, do vậy hôn nhân của anh, chị là hợp pháp. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng 6 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng mỗi người ở một nơi và không có tiếng nói chung. Thực tế anh chị đã sống ly thân từ năm 2008 cho đến nay, không ai quan tâm đến ai. Nay cả 2 anh chị đều xác định tình cảm vợ chồng không còn và cùng có đơn đề nghị Tòa án công nhận thuận tình ly hôn. Xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên có cơ sở chấp nhận yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn của chị N và anh M.

[2.2] Về con chung: Chị N và anh M có 01 con chung là Trần Phạm Duy K1, sinh ngày 19/12/2004, hiện đang ở với bà Nguyễn Thị L là mẹ đẻ của chị N. Anh, chị thống nhất giao con chung cho chị N chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến

khi con thành niên, chị N tự nguyện không yêu cầu anh M phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Bà L cũng đồng ý nuôi dưỡng cháu K1 trong thời gian chị N không có mặt tại Việt Nam. Xét thấy, thỏa thuận của các đương sự phù hợp với thực tế và nguyện vọng của cháu K1, phù hợp với quy định tại Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình và không trái đạo đức xã hội, nên có căn cứ chấp nhận sự thỏa thuận của các đương sự.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Chị N, anh M không có tài sản chung, không có nợ chung và không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xem xét..

[3]. Về lệ phí: Chấp nhận sự tự nguyện của chị N tự nguyện chịu cả lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự theo quy định của pháp luật.

Vì những lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 2 Điều 29, điểm b khoản 1 Điều 37, Điều 149, Điều 367 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 3 Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Phạm Thị N và anh Trần Văn M.

2. Về con chung: Công nhận sự thỏa thuận của chị N và anh M, giao cho chị N chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là Trần Phạm Duy K1, sinh ngày 19/12/2004 cho đến khi con thành niên (tròn 18 tuổi). Chấp nhận sự tự nguyện của chị N không yêu cầu anh M phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Trong thời gian chị N không ở Việt Nam, tạm giao cháu K1 cho bà Nguyễn Thị L chăm sóc, nuôi dưỡng.

Anh M được quyền thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được cản trở.

3. Về lệ phí: Chị Phạm Thị N tự nguyện chịu cả 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự, được đối trừ số tiền tạm ứng lệ phí 300.000đ theo biên lai thu số AA/2021/0000008 ngày 21/3/2022 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương. Chị N đã nộp đủ lệ phí.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Các đương sự;
- Cục THADS tỉnh Hải Dương;
- UBND xã T1, huyện C, tỉnh Hưng Yên.
- Lưu hồ sơ, VP, Tòa GD&NCTN.

**TM. HỘI ĐỒNG GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN HỌP**

Nguyễn Thị Thu Hiền
(Đã ký)

